

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 21 tháng 02 năm 2022
*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản và vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông Võ Đức Hợi;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang; ông Ngô Trọng Búp.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 184/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn 18, xã Ea Riêng, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn 18, xã Ea Riêng, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1. Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Ea H'Mlay, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có quan hệ quen biết, ông Võ Văn H cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1 mua cám nợ và vay tiền để chăn nuôi heo, gà. Kể từ năm 2017

đến năm 2020, ông L bà T1 nợ ông H với tổng số tiền là 162.235.000đồng (bao gồm 146.910.000đồng tiền nợ gốc và 15.325.000đồng tiền lãi). Tháng 7 năm 2020 các bên thỏa thuận nếu ông L bà T1 trả hết nợ cho ông H trong tháng 7 năm 2020 thì được giảm 1/3 tiền lãi, nếu không trả được thì ông H sẽ tiếp tục tính lãi do chậm trả kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi trả xong.

Theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu tiền lãi phát sinh là 1,5%/tháng trên tổng số tiền nợ (162.235.000đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa ông H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông H chỉ yêu cầu ông L bà T1 phải trả tiền lãi trên số nợ gốc (146.910.000đồng) kể từ ngày 01/8/2020 cho đến ngày xét xử và mức lãi căn cứ theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2021, bị đơn vợ chồng ông L, bà T1 trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2019, vợ chồng ông L bà T1 mua nợ tiền cám và vay tiền của ông H nhiều lần để chăn nuôi. Tuy nhiên do dịch bệnh và làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông L bà T1 không có tiền để trả nợ cho ông Hùng. Vợ chồng ông L bà T1 đồng ý và chấp nhận còn nợ ông H 162.335.000đồng theo giấy xác nhận ngày 31/7/2020. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn, không có nguồn thu để trả nợ nên ông L bà T1 đề nghị nguyên đơn không tính lãi suất và cho ông L bà T1 được trả dần số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hợp mua bán tài sản và vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại: thôn 7, xã Ea H'Mlay, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 85 Bộ Luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, không có lý do. Tại phiên tòa ngày 21/02/2022 là lần thứ hai bị đơn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, bị đơn mua nợ tiền cám và vay tiền của nguyên đơn

nhiều lần để phục vụ chăn nuôi. Đến tháng 7/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn L đã viết giấy xác nhận nợ nguyên đơn 162.235.000đồng (trong đó 146.910.000 đồng nợ gốc) với thỏa thuận nếu bị đơn trả nợ trong tháng 7/2020 thì được giảm 1/3 số tiền lãi, nếu không thì phải trả lãi suất.

Qua lời khai, bị đơn vợ chồng ông L, bà T1 đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn và thống nhất còn nợ nguyên đơn 162.235.000đồng tiền vay và mua cám sử dụng vào mục đích chăn nuôi. Đây là tình tiết được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX cần buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho nguyên đơn ông Võ Văn H 162.235.000đồng theo văn bản tổng kết nợ mà ông L đã xác nhận với nguyên đơn.

2.2. Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn: Theo văn bản tổng kết nợ giữa các bên vào tháng 7/2020 ghi “Nếu thời điểm cuối cùng là tháng 7/2020 mà trả hết thì giảm 1/3 số tiền lãi, nếu không trả thì phải trả lãi suất”. Theo nội dung trên thì vợ chồng ông L bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông H kể từ ngày 01/8/2020. Do đó, vợ chồng ông L bà T1 phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông H kể từ ngày vi phạm. Tuy nhiên các bên chỉ thỏa thuận về việc phải trả lãi suất mà không thỏa thuận về mức lãi phải trả. Nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính tiền lãi phát sinh. Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

1.

2. *Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ Lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Như vậy bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử 21/02/2022 là 569 ngày. Do đó, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi là 22.901.000đồng (= 146.910.000đồng x (569 ngày: 365) x 10%). Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 185.136.000đồng (bao gồm 146.910.000đồng tiền gốc + 22.901.000đồng tiền lãi từ 01/8/2020 đến 21/02/2022 + 15.325.000đồng tiền lãi từ năm 2018 đến 30/7/2020 mà các bên đã thỏa thuận trước đó).

2.3 Đối với yêu cầu rút một phần khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi trên tổng số nợ, mà chỉ tính lãi trên số nợ gốc. HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện

và có lợi cho bị đơn, yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện. Vì vậy, HĐXX chấp nhận, nên đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn đã rút.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông L bà T1 phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là $185.136.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.256.800 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 85; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 138, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Võ Văn H 185.136.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng*). Tiền nợ theo giấy tổng kết nợ mà các bên đã cam kết vào tháng 7/2020.

Kể từ ngày 22/02/2022 đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền lãi vượt quá so với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 9.256.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Võ Đức Hợi